

Bản án số: 55/2018/HS-ST
Ngày 23-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ty

Bà Nguyễn Thị Lợi

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. ***Bị cáo:*** Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 42 H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 1T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có chồng là Cao Xuân H (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Tại bản án số 205/2014/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2014 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại ngày 31 tháng 8 năm 2016 (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 01 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 01 tháng 02 năm 2018; có mặt.

2. ***Bị cáo:*** Phạm Văn N, sinh năm 1981 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 1L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Không cố định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ là Vũ Thị Hải Y (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 01 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 31 tháng 01 năm 2018; có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Hoàng Thị L; vắng mặt.
- Chị Cao Thị Thu T; vắng mặt.
- Bà Cao Thị H; vắng mặt.
- Anh Phạm Quang M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại khu vực đầu đường 442 T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang Phạm Văn N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi quần N đang mặc 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá, ngoài ra còn thu giữ của N 01 điện thoại di động Vertu, 01 xe mô tô đeo biển số 16P3-8244 (*tại bút lục 54-55*).

Bản kết luận giám định số 61/KLGD ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng thu của Phạm Văn N gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4135 gam, là loại Methamphetamine (*tại bút lục 60*).

Phạm Văn N khai: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 23 tháng 01 năm 2018, N đến khu vực ngõ 30 T, quận L, thành phố Hải Phòng mua của người đàn ông không quen biết 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng với mục đích để sử dụng. Sau khi về nhà trọ ở thôn A, xã A, huyện A, N đi ra đường đem theo túi ma túy đá trong túi quần thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Nguyễn còn khai trước đó thông qua quan hệ xã hội, N biết Nguyễn Thị Thanh T, trú tại ngõ 89 T, quận L, thành phố Hải Phòng có bán ma túy nên đã xin số điện thoại của T để liên lạc hỏi mua ma túy. Sau đó, N đã có 03 lần đến gặp T mua ma túy, mỗi lần đều mua 500.000 đồng loại ma túy đá, cụ thể: Vào tháng 11 năm 2017 (không nhớ ngày cụ thể) N đã 02 lần mua ma túy của T, trong đó một lần tại nhà của T ở số 01T, quận L và 01 lần gần địa điểm nhà T thuê ở số 19/178 C, quận L. Vào khoảng giữa tháng 12 năm 2017, N đã đến nhà T ở số 01T, quận L mua 500.000 đồng ma túy. Mục đích Nguyễn mua ma túy là để sử dụng. Việc mua bán ma túy giữa N và T không có người khác biết (*tại bút lục 266,-279, 282-283, 292, 309, 313-316*).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại số 1T, L, Hải Phòng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã thu được: 01 túi nilon màu trắng kích thước 7x4cm chứa tinh thể màu trắng đục, 02 cục tinh thể màu trắng, 01 lọ thủy tinh hình trụ tròn trong đựng tinh thể màu trắng, 01 túi nilon chứa 10 viên nén màu xanh, 01 ví màu đỏ trong có 04 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, 03 chiếc điện thoại di động, 02 chiếc cân điện tử, 01 hợp đồng thuê nhà ở, 01 xe mô tô nhãn hiệu Lyberty biển số 15B1-435.13 và số tiền 100.000.000 đồng (*tại bút lục 83-90*).

Bản kết luận giám định số 71/KLGD(Đ6) ngày 27/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đối với mẫu vật thu tại nơi ở của Nguyễn Thị Thanh T kết luận: Mẫu tinh thể (mẫu KX1, 2, 3) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 14,64 gam, là loại Methamphetamine; Mẫu các viên nén (mẫu KX4) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,97 gam, là loại MDMA và Methamphetamine; Mẫu tinh thể (mẫu KX5) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,43 gam, là loại Methamphetamine (tại bút lục 65).

Tại thời điểm khám xét nơi ở của T, có Hoàng Thị L, sinh năm 1984, trú ở thôn C, N, A, Hải Phòng cùng một số người khác chứng kiến. L khai mục đích đến nhà T là để mua ma túy, trước khi đến L đã gọi điện thoại và nhắn tin cho T hỏi giá nửa “lệnh” (tương đương 50 gam) ma túy đá nhưng không thấy trả lời. Trước đó, vào đầu tháng 12 năm 2017 L đã đến gặp T tại đầu ngách 14/89 T, quận L mua 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng (tại bút lục 217-251).

Nguyễn Thị Thanh T khai: Số ma túy thu tại nơi ở của T (gồm các mẫu KX 1, 2, 3, 4) là do T mua của người tên H không rõ địa chỉ cụ thể ở Q, H, Hải Phòng với số tiền 7.300.000 đồng để sử dụng. Còn số ma túy thu trong ví màu đỏ tại khe ghế tầng 1 (mẫu KX5) T không biết là của ai. T không thừa nhận đã bán ma túy cho Phạm Văn N và Hoàng Thị L (tại bút lục 330-343, 352-372).

Cơ quan điều tra đã cho Phạm Văn N nhận dạng và tiến hành đối chất với Nguyễn Thị Thanh T, N khẳng định lời khai về việc đã mua ma túy của T là đúng. Hoàng Thị L mặc dù từ chối tiến hành đối chất nhưng khẳng định lời khai về việc đã mua ma túy của T là đúng.

Tại Cáo trạng số 49/CT – VKSAD ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p, Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, Khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu. Mục đích bị cáo cất giấu ma túy là để bị cáo sử dụng. Bị cáo xác định hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố và xét xử là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T khai nhận: Lời khai của N về việc mua ma túy của bị cáo là đúng. Bị cáo đã bán ma túy cho N 03 lần mỗi lần 500.000 đồng vào khoảng tháng 11 và tháng 12 năm 2017. Việc mua bán ma túy giữa bị cáo và N không có người khác biết. Vào đầu tháng 12 năm 2017 tại đầu ngách 14/89 T, quận L bị cáo đã bán cho Hoàng Thị L 300.000 đồng ma túy đá. Số lượng ma túy Cơ quan Công an thu giữ khi khám xét nhà bị cáo là do bị cáo mua để bán kiếm lời còn số ma túy thu trong ví màu đỏ không phải của bị cáo, bị cáo không biết là của ai. Bị cáo xác định hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố và xét xử là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Phạm Văn N. Qua quan điểm phát biểu Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, p Khoản 2 và Khoản 5, Điều 251; Điều 38; điểm s, Khoản 1, Điều 51; điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) năm tù.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải nộp lại 1.800.000đ là khoản tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s, t, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn N.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu vật gửi giám định, có dấu niêm phong số 61/PC54, số 71/PC54 của Cơ quan giám định và 02 chiếc cân tiểu li điện tử;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Vertu màu đen vàng của bị cáo Phạm Văn N và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 điện thoại di động Samsung màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Lyberty biển số 15B1-435.13 và số tiền 100.000.000 đồng. Tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T để đảm bảo thi hành án.

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Phạm Văn N đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T tại Cơ quan Điều tra, bị cáo không thừa nhận bán ma túy nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi bán ma túy để kiếm lời. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với Bản kết luận giám định số 71/KLGĐ(Đ6) ngày 27/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào vật chứng thu được, lời khai của bị cáo N và Hoàng Thị L; các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến khi bị bắt, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy (04 lần) và cất giấu bất hợp pháp 14,64 gam ma túy loại Methamphetamine và 2,97 gam ma túy (10 viên nén) loại MDMA và Methamphetamine với mục đích để bán kiếm lời (tổng khối lượng hai chất ma túy là 17,61 gam). Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

[3] Lời khai của bị cáo Phạm Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp bản kết luận giám định số 61/KLGĐ ngày 24 ngày 01 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn N đã có hành vi cất giữ bất hợp pháp chất ma túy để sử dụng. Hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng của bị cáo Phạm Văn N đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã có hành vi 04 lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện và cất giấu bất hợp pháp 14,64 gam ma túy loại Methamphetamine và 2,97 gam ma túy (10 viên nén) loại MDMA và Methamphetamine với mục đích để bán (tổng khối lượng hai chất ma túy là 17,61 gam) nên được coi là nhiều lần. Như vậy hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và có 02 chất ma túy trở lên vi phạm vào điểm b, p Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Văn N đã có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng có khối lượng 0,4135 gam (Methamphetamine) vi phạm điểm c Khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Về nhân thân các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nghiện chất ma túy. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: Xét thấy tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “ khai báo thành khẩn ” theo quy định tại điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo Phạm Văn N: Xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo Phạm Văn N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “ khai báo thành khẩn ”. Bị cáo có bác ruột là liệt sỹ và tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra để làm rõ nội dung vụ án nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có một tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô đeo biển số 16P3-8244 thu giữ của bị cáo Phạm Văn N: Qua xác minh xe đeo biển số giả và liên quan đến vụ mất trộm xảy ra tại công trường khu công nghiệp T, A, Hải Phòng vào khoảng tháng 12 năm 2015 nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau. Đối với chất ma túy thu trong ví màu đỏ tại nhà Nguyễn Thị Thanh T có khối lượng 1,43 gam, là loại Methamphetamine (mẫu KX5), do chưa xác định được là của ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã khởi tố bổ sung vụ án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ

[9] Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động Vertu màu đen vàng của bị cáo Phạm Văn Nguyên; thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Samsung màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ, 02 chiếc cân điện tử, 01 xe mô tô nhãn hiệu Lyberty biển số 15B1-435.13 và số tiền 100.000.000 đồng. Xét 01 điện thoại di động Vertu màu đen vàng của bị cáo Phạm Văn N đã dùng vào việc liên lạc để mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Còn

01 điện thoại di động Samsung màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Lyberty biển số 15B1-435.13 và số tiền 100.000.000 đồng là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T nên trả lại bị cáo. Còn 02 phong bì thư trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu vật gửi giám định, có dấu niêm phong số 61/PC54, số 71/PC54 của Cơ quan giám định là vật cấm lưu hành, 02 chiếc cân điện tử là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Về những vấn đề khác:

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 249 và Điều 251 Bộ luật Hình sự các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ để sung quỹ Nhà nước. Xét bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội mang tính chất vụ lợi nên phạt tiền bị cáo số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn 03 lần mỗi lần 500.000đ, bán ma túy cho Hoàng Thị L 01 lần 300.000đ. Tổng số tiền là 1.800.000đ, là khoản tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Xét bị cáo Phạm Văn N phạm tội không mang tính chất vụ lợi, bản thân đang nghiện ma túy do đó miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn N.

Trong vụ án có các đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Thị Thanh T nhưng chưa đủ căn cứ để xác định nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Phạm Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Căn cứ vào điểm b, p, Khoản 2, Khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thanh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 25 tháng 01 năm 2018.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải nộp lại số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s, t, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn N 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 23 tháng 01 năm 2018.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Phạm Văn N.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Vertu màu đen vàng của bị cáo Phạm Văn N và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 điện thoại di động Samsung màu đen, 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Lyberty biển số 15B1-435.13 và số tiền 100.000.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu vật gửi giám định, có dấu niêm phong số 61/PC54, số 71/PC54 của Cơ quan giám định; 02 chiếc cân tiểu ly điện tử.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng được ghi nhận tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 7 năm 2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Phạm Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Phạm Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Sở Tư pháp HP; Phòng PV27, PC81;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi

